

Bản án số: 69/2018/DS-PT

Ngày: 26-3-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triền.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Kim Sang;

2. Bà Lưu Ánh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu bị kháng cáo, kháng nghị; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp A, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960; cư trú tại: Số A, đường B, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 15-7-2016); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp BT, xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp B, xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Tòa án không triệu tập)

3.1. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp BT, xã TT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh;

3.2. Ông Hồ Văn X, sinh năm 1966; cư trú tại: khu phố G, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh;

3.3. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh B.

3.4. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị L là bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 15-7-2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 03-10-2016, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Ngày 04-7-2016, bà Phạm Thị L có vay của bà số tiền 988.000.000 đồng để trả nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần A - Chi nhánh AC - Phòng giao dịch TB**; hai bên có viết giấy “Biên nhận mượn tiền”; thời hạn vay 05 ngày; lãi suất 3.000.000 đồng/ngày nhưng không ghi vào trong hợp đồng; hợp đồng được lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản, không có công chứng, chứng thực nhưng có ông Hồ Văn X là người làm chứng viết hợp đồng và ký tên.

Bà là người trực tiếp nộp tiền để trả nợ Ngân hàng số tiền 987.927.326 đồng, theo Biên lai thu số 43 và số 44 ngày 04-7-2016 cho bà L. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Trần Thị T1 để bà T1 đứng tên vay tiền lại để trả cho bà. Bà L và bà T1 đã thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 04-7-2016, tại Phòng Công chứng ĐN Tây Ninh. Hồ sơ chuyển nhượng hoàn thành tại Văn phòng đăng ký đất đai Tây Ninh, Chi nhánh B xong vào ngày 05-7-2016. Sau khi bà T1 đứng tên 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T1 không đi vay Ngân hàng để trả tiền lại cho bà.

Nay, bà yêu cầu bà L trả số tiền gốc 988.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 04-7-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L và bà T1 để bảo đảm việc thi hành án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ngày 04-7-2016 bà Phạm Thị L có vay của bà T số tiền 702.831.112 đồng theo Biên lai thu tiền số 43 và 285.096.214 đồng theo Biên lai thu tiền số 44, để đáo hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, Chi nhánh AC, Phòng giao dịch TB. Tổng cộng làm tròn số là 988.000.000 đồng.

Nay, ông yêu cầu bà L trả số tiền gốc 988.000.000 đồng và lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 04-7-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 04-7-2016 giữa bà L và bà T1.

Bị đơn – Bà Phạm Thị L trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 04-7-2016, bà có vay bà T số tiền 780.000.000 đồng, có ký giấy mượn tiền. Bà đồng ý trả 780.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 1,125%/tháng, tính từ ngày 04-7-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với số tiền 208.000.000 đồng, bà không thừa nhận vì do bà T tự viết thêm vào giấy mượn tiền nên bà không đồng ý trả gốc và lãi.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà T1, thì đây là hợp đồng dân sự, bà và bà T1 đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật; vì vậy, bà không đồng ý hủy hợp đồng này.

Ngày 12-10-2016, bà có đơn phản tố yêu cầu bù trừ nghĩa vụ đối với bà T về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” số tiền là 200.000.000 đồng vào ngày 26-5-2016, nhưng đến nay bà T chưa trả lại tiền góp vốn và tiền lãi.

Nay, bà yêu cầu bà T khấu trừ số tiền góp vốn 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 26-5-2016 đến nay. Số tiền này, bà đề nghị khấu trừ vào số tiền nợ gốc 780.000.000 đồng của bà T.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 147; các điều 157, 161, 163, 120, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; các điều 401, 471, 474, 476, 478, 450, 451, 697, 698, 699, 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 24 Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP, ngày 18-7-2015 của Chính phủ; khoản 1, Điều 75 Luật Thi hành án dân sự năm 2014; các điều 117, 118, 119 của Luật Nhà ở năm 2014; các điều 166, 167, 168, 188 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với bà Phạm Thị L”.

1.1 Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị T số tiền vay gốc là 988.000.000 đồng và tiền lãi là 174.135.000 đồng (tính từ ngày 09-7-2016 đến ngày 31-10-2017); tổng cộng 1.162.135.000 đồng.

1.2 Đình chỉ, trả lại đơn khởi kiện cho bà Võ Thị T về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa bà Phạm Thị L và bà Trần Thị T1.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị L về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” đối với bà Võ Thị T; số tiền góp vốn 200.000.000 đồng, tiền lãi 38.550.000 đồng (tính từ ngày 26-5-2016 đến ngày 31-10-2017); tổng cộng 238.550.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T1 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” đối với bà Võ Thị T.

Buộc bà Võ Thị T có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị T1 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 03882/QSDĐ/2691/2008/HĐ-CN, ngày 27-11-2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03883/QSDĐ/2691/2008/HĐ-CN, ngày 27-11-2008; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CH00373, ngày 21-7-2010; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00374,

ngày 21-7-2010 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02559/QSDĐ/1175/2006/QĐ-UBND, ngày 07-02-2007.

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, đã điều chỉnh trang 4, cùng ngày 05-7-2016 tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Chi nhánh huyện B, do bà Trần Thị T1 đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm thi hành án, chi phí thẩm định, chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14-11-2017, bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo với nội dung:

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với số tiền 208.000.000 đồng;

+ Yêu cầu bà T khấu trừ số tiền 200.000.000 đồng là tiền bà góp vốn mua đất với bà T.

Ngày 09 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu có Quyết định kháng nghị số: 03/QĐKNPT-VKS-DS, nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với số tiền 208.000.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm đồng thời chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Đối với quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” do bà T khởi kiện bà L và bà T1. Tại Khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định như sau: “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”. Như vậy, việc giải quyết vụ án dân sự này hoàn toàn không có liên quan gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Hồ Văn X, của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh, Chi nhánh B và của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[2] Song song đó, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thành

phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể như sau:

- + Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử ban hành ngày 27-9-2017 (BL 378), ghi tên hai Hội thẩm nhân dân là Trần Hùng Dũng và Dương Xuân Thanh;
- + Tại Thông báo thay đổi thời gian xét xử ban hành ngày 17-10-2017 (BL 392), ấn định thời gian mở phiên tòa lúc 7 giờ 30 ngày 27-10-2017;
- + Tại Biên bản phiên tòa lúc 7 giờ 40 phút ngày 27-10-2017 (BL 401 – 409), ghi tên hai Hội thẩm nhân dân là Nguyễn Văn Hải và Nguyễn Hồng Phúc và Hội đồng xét xử quyết định tạm dừng phiên tòa lúc 12 giờ 20 phút ngày 27-10-2017 đồng thời ấn định Hội đồng xét xử sẽ tuyên án lúc 14 giờ ngày 31-10-2017;
- + Tại Biên bản nghị án lúc 14 giờ ngày 30-10-2017 (BL 411-412), ghi tên hai Hội thẩm nhân dân là **Trần Hùng Dũng và Dương Xuân Thanh**;
- + Tại Biên bản phiên tòa lúc 15 giờ ngày 31-10-2017 (BL 410), ghi tên hai Hội thẩm nhân dân là Nguyễn Văn Hải và Nguyễn Hồng Phúc;
- + Tại bản án gốc ban hành ngày 31-10-2017, ghi tên hai Hội thẩm nhân dân là **Trần Hùng Dũng và Dương Xuân Thanh**;

Như vậy, ông Nguyễn Văn Hải và Nguyễn Hồng Phúc là người tham gia hai phiên tòa vào ngày 27-10-2017 và vào ngày 31-10-2017; nhưng ông **Trần Hùng Dũng và bà Dương Xuân Thanh lại tham gia nghị án vào ngày 30-10-2017 và tham gia ban hành bản án gốc vào ngày 31-10-2017 là không đúng.**

[3] Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng như: Biên bản phiên tòa khai mạc lúc 7 giờ 40 phút ngày 27-10-2017 (BL 401 – 409) và Hội đồng xét xử quyết định tạm dừng phiên tòa lúc 12 giờ 20 phút ngày 27-10-2017 đồng thời ấn định Hội đồng xét xử sẽ tuyên án lúc 14 giờ ngày 31-10-2017; trong trường hợp này lẽ ra khi tuyên án thì Thư ký phiên tòa phải tiếp tục ghi tiếp theo của Biên bản phiên tòa (đề ngày 27-10-2017) mới đúng nhưng lại ban hành thêm một biên bản phiên tòa vào ngày 31-10-2017 là không đúng quy định; bởi lẽ Hội đồng xét xử chỉ tuyên bố tạm dừng phiên tòa theo quy định tại Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự chứ không phải tuyên bố hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bởi vì, tại khoản 2 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “2. Việc tạm ngừng phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Thời hạn tạm ngừng phiên tòa là không quá 01 tháng, kể từ ngày Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn này, nếu lý do để ngừng phiên tòa không còn thì Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa; nếu lý do để ngừng phiên tòa chưa được khắc phục thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Hội đồng xét xử phải thông báo bằng văn bản cho những người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát cùng cấp về thời gian tiếp tục phiên tòa”.

[4] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng nên cần **hủy bản án sơ thẩm đồng thời chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.**

[5] Về chi phí thẩm định, chi phí giám định và án phí sẽ được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

[6] Do hủy bản án sơ thẩm nên không xét đến nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy Bản án Dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.
2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.
3. Về chi phí thẩm định, chi phí giám định và án phí sẽ được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TANDH. Bến Cầu;
- Chi cục THADSH. Bến Cầu;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Văn Triển